**Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)**

* **Thông tin**

* **TTHC liên quan**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan Công bố/Công khai** | Bộ Giao thông vận tải |
| **Mã thủ tục** | B-BGT-285705-TT |
| **Cấp thực hiện** | Cấp Bộ |
| **Loại TTHC** | Không có thông tin |
| **Lĩnh vực** | Hàng Hải |
| **Trình tự thực hiện** | a) Nộp hồ sơ TTHC:  - Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu rời cảng, người làm thủ tục phải thông báo trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc khác cho Cảng vụ biết nội dung Thông báo tàu rời cảng.  - Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển rời cảng, người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu của tàu biển theo quy định.  b) Giải quyết TTHC**:**  - Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm thông báo cho các tổ chức liên quan biết thông tin về việc tàu thuyền rời cảng biển theo quy định để thực hiện thủ tục và phối hợp triển khai.  + Cảng vụ hàng hải xử lý, giải quyết hồ sơ đối với tàu thuyền, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên và là cơ quan quyết định cuối cùng cho tàu thuyền rời cảng biển;  + Biên phòng cửa khẩu xử lý, giải quyết hồ sơ đối với thuyền viên, hành khách, người đi theo tàu, người trốn trên tàu và người lên, xuống tàu;  - Chậm nhất 01 giờ kể từ khi người làm thủ tục đã nộp, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước xử lý, giải quyết thủ tục chuyên ngành và thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết kết quả và Cảng vụ hàng hải cấp Giấy phép rời cảng cho tàu; trường hợp tàu biển chưa hoàn thành thủ tục phải thông báo và nêu rõ lý do, cách thức giải quyết.  - Trường hợp tàu biển đã được cấp Giấy phép rời cảng mà vẫn lưu lại tại cảng quá 24 giờ kể từ thời điểm tàu biển được phép rời càng, tàu biển đó phải làm lại thủ tục rời cảng theo quy định. |
| **Cách thức thực hiện** | - Qua Fax, khai báo điện tử, nộp trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.  - Trường hợp làm thủ tục điện tử: người làm thủ tục thực hiện khai báo, gửi hồ sơ thông qua Cổng thông tin điện tử và không phải nộp, xuất trình giấy tờ tại địa điểm làm thủ tục. Trường hợp giấy tờ khai báo, gửi qua Cổng thông tin điện tử không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu, người làm thủ tục nộp, xuất trình tại địa điểm làm thủ tục. |
| **Thành phần hồ sơ** | - Các giấy tờ phải nộp (bản chính) gồm:  + Nộp cho cảng vụ hàng hải: Bản khai chung theo mẫu; Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi) theo mẫu; Danh sách hành khách (nếu có thay đổi) theo mẫu;  + Nộp cho Biên phòng cửa khẩu: Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi) theo mẫu; Danh sách hành khách (nếu có thay đổi) theo mẫu.  - Các giấy tờ phải xuất trình Cảng vụ (bản chính), bao gồm: Các giấy chứng nhận của tàu biển và chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên (nếu có thay đổi so với khi đến), các giấy tờ liên quan đến xác nhận nộp phí, lệ phí, tiền phạt hoặc thanh toán các khoản nợ theo quy định pháp luật. |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** | |  |  | | --- | --- | | **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** | **Văn bản quy định** | | Bản khai chung |  | | Danh sách hành khách |  | | Danh sách thuyền viên |  | | Thông báo tàu rời cảng |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |
| **Lệ phí** | |  |  | | --- | --- | | **Mô tả** | **Mức lệ phí** | | Phí trọng tải tàu, thuyền: | theo biểu phí quy định tại Điều 12 Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. | | Phí bảo đảm hàng hải: | theo biểu phí quy định tại Điều 13 Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. | | Phí sử dụng vị trí neo, đậu tại khu nước, vùng nước: | theo biểu phí quy định tại Điều 14 Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. | | Lệ phí rời cảng: | theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. | |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Chậm nhất 01 giờ, kể từ khi người làm thủ tục đã nộp, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước xử lý, giải quyết thủ tục chuyên ngành và thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết kết quả và Cảng vụ hàng hải cấp Giấy phép rời cảng cho tàu biển. |
| **Đối tượng thực hiện** | chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục theo quy định tại Nghị định này với các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển. |
| **Cơ quan thực hiện** | Cảng vụ Hàng hải, Văn phòng đại diện Cảng vụ Hàng hải |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Cảng vụ Hàng hải, Văn phòng đại diện Cảng vụ Hàng hải |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Không có thông tin |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Giấy phép rời cảng. |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** | * Bộ luật 95/2015/QH13 * Thông tư 261/2016/TT-BTC * Nghị định 58/2017/NĐ-CP |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | -Tàu thuyền chỉ được phép rời cảng biển khi bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường theo quy định.  - Tàu thuyền không được rời cảng biển trong các trường hợp sau đây:  + Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ luật Hàng hải Việt Nam;  + Mớn nước thực tế cao hơn giới hạn mớn nước cho phép hoặc tàu nghiêng hơn 06 độ trong trạng thái nổi tự do hoặc vỏ tàu không kín nước;  + Tàu thuyền chở hàng rời, ngũ cốc hoặc hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm, hàng xếp trên boong mà chưa có đủ biện pháp phòng hộ cần thiết, phù hợp với nguyên tắc vận chuyển những loại hàng đó;  + Tàu thuyền chưa được sửa chữa, bổ sung các điều kiện về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải, thanh tra hàng hải hoặc yêu cầu, đề nghị của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác theo quy định. |
| **Đánh giá tác động TTHC** | Không có thông tin |